

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 15- 04 - 2024  
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Ông Diệp Chí Nguyễn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Phi Hùng

Bà Hồ Lệ Hoa

- **Thư ký Phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Bích N, sinh năm 1997; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Anh Tạ Văn Đ, sinh năm 1995; Xin vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị N trình bày, chị và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, hiện không còn sống chung 03 năm, vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị N xác định có 01 con chung Tạ Anh T, sinh ngày 23/4/2017, hiện cháu T đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Chị Như k yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị N xác định có 09 chỉ vàng 24k, do bà N1 là mẹ của anh Đ mượn. Nên chị yêu cầu bà N1 trả lại và yêu cầu chia mỗi người 4,5 chỉ vàng 24k. Ngày 14/3/2024, chị N có đơn xin rút lại yêu cầu.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

Đối với anh Tạ Văn Đ, Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh Đ biết được việc yêu cầu ly hôn của chị N, nhưng anh Đ có làm đơn xin vắng mặt.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Huỳnh Bích N về việc xin ly hôn với anh Ta Văn Đ thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh Đ là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, nhưng anh Đ có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T vào năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, hiện không còn sống chung, đã ly thân 03 năm, vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Đối với anh Đ, biết được yêu cầu xin ly hôn của chị N, nhưng anh Đ xin vắng mặt, cho thấy anh Đ chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo yêu cầu của chị N khi phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, cụ thể là yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh Đ. Chị N xác định trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau và đã ly thân 03 năm, vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N xác định có 01 con chung Ta Anh T, sinh ngày 23/4/2017, hiện cháu T đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Chị Như k yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Đối với cháu T còn nhỏ dưới 7 tuổi, cần phải có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Hiện tại chị N là mẹ đang nuôi dưỡng và có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn. Do đó, việc giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của chị N được chấp nhận.

Chị N là người trực tiếp nuôi con nhưng không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị N có yêu cầu chia tài sản chung nhưng đến ngày 14/3/2024 chị N có đơn yêu cầu rút lại. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N và trả lại án phí đã dự nộp.

[6] Về nợ chung: Chị N xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị N nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị Huỳnh Bích N.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Bích N về việc xin ly hôn với anh Tạ Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tạ Anh T, sinh ngày 23/4/2017 (hiện cháu T đang ở với chị N).

Anh Đ không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung khi phù hợp với quy định của pháp luật không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N là người trực tiếp nuôi con chung nhưng không đặt ra yêu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị N xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Chị N nộp 300.000đ. Vào ngày 22/02/2024, Chị N đã dự nộp số tiền 704.000đ theo biên lai số 0015992 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đ. H lại cho chị N số tiền 404.000đ khi bản án có hiệu lực.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- **UBND** xã T, h. Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**Diệp Chí Nguyễn**